TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/HNGĐ – ST.
Ngày 29 – 9 – 2017.
V/v "Tranh chấp về việc x*ác định con cho cha*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Công Gia.**
2. Ông **Nguyễn Thanh Dũng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2016/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2016 về việc: "Tranh chấp về xác định con cho cha" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc D – 1981.
Cư trú tại: 268 Tổ 4, Ấp 1, xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D1 – 1975.
Cư trú tại: 143 Tổ 6, Khu 5, TT. Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Q – 1977.
HKTT: 88D Khu phố 4, phường 7, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
Chỗ ở: Số nhà 49C, Đường NTT, TT. CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(anh D, chị D1 có mặt; anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Ngọc D trình bày:

Vào năm 2004, anh có quan hệ tình cảm, yêu thương với chị Nguyễn Thị D1. Sau đó, do bản thân anh chị không còn tình cảm với nhau nữa nên đã chia

tay. Anh bỏ đi làm ăn xa và không liên lạc với chị D1 nữa. Thời gian sau, qua thông tin thì anh được biết chị D1 đã kết hôn với anh Trần Q nhưng cuộc sống hôn nhân của chị D1 và anh Q không hạnh phúc nên vào năm 2012 chị D1 và anh Q đã ly hôn nhau. Một thời gian sau, anh và chị D1 gặp lại nhau thì chị D1 cho anh biết cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày 23/8/2005 là con đẻ của anh chứ không phải con đẻ của anh Trần Q.

Để xác thực, anh đã tiến hành giám định ADN của anh và cháu N tại Công ty G. Theo kết quả phân tích ADN xác định anh và cháu Trần Thị Xuân N có quan hệ huyết thống là cha – con. Nay anh yêu cầu Tòa án xác định cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày 23/8/2005 là con đẻ của anh.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị D1 trình bày:

Vào năm 2004, chị có quan hệ tình cảm với anh Lê Ngọc D. Sau đó, bản thân chị và anh D không còn tình cảm với nhau nữa nên đã chia tay. Anh D bỏ đi làm ăn xa và giữa hai anh chị không liên lạc với nhau. Lúc này, chị mới biết mình đã có thai với anh D vì để tránh xấu hổ với họ hàng, làng xóm nên chị đã có quan hệ tình cảm với anh Trần Q và nói dối rằng mình đã có thai với anh Q. Đến ngày 23/8/2005, chị đã sinh 01 con gái nhưng do chị và anh Q chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn nên chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh được. Vào ngày 29/12/2005, chị và anh Q đã tiến hành đăng ký kết hôn. Sau đó, chị tiến hành đăng ký khai sinh và lấy tên con là Trần Thị Xuân N và khai anh Q là cha ruột.

Sau khi kết hôn một thời gian, anh Q biết được cháu N không phải là con ruột của mình nên chị và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 25/6/2012, chị và anh Q đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 87/2012/QĐST – HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Sau khi ly hôn, chị gặp lại anh D và cho anh D biết cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày 23/8/2005 là con đẻ của anh D chứ không phải con đẻ của anh Q. Để xác thực anh D đã tiến hành giám định ADN của anh D và cháu N tại Công ty G. Theo kết quả phân tích ADN xác định anh D và cháu Trần Thị Xuân N có quan hệ huyết thống là cha – con. Nay anh D yêu cầu Tòa án xác định cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày 23/8/2005 là con đẻ của anh D thì chị đồng ý.

Đối với anh Trần Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu anh Q đến Tòa án làm việc nhưng anh Q không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc D về việc yêu cầu xác định xác định cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày 23/8/2005 là con đẻ của anh D.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D1 phải chịu án phí DSST về yêu cầu xác định con cho cha theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Ngọc D đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh D và chị D1 (bản sao); Phiếu kết quả phân tích ADN (bản sao); Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 87/2012/QĐST – HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (bản sao); Giấy khai sinh (bản sao).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Văn bản ngày 05/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện CC, TPHCM; Phiếu yêu cầu xác minh ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện CC, TPHCM; Công văn số 277/CV-GT ngày 27/7/2017 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền; Kết quả phân tích ADN (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); Thẻ giám định viên tư pháp (bản sao); Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (bản sao). Anh Q vắng mặt đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Ngọc D khởi kiện yêu cầu xác định cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày 23/8/2005 là con của anh D đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị D1. Chị D1 hiện đang cư trú tại huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về việc xác định con cho cha" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Về tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2016 thì anh Lê Ngọc D khởi kiện yêu cầu xác định cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày 23/8/2005 là con của anh D đối với chị Nguyễn Thị D1. Do Giấy khai sinh của cháu Trần Thị Xuân N do anh Trần Q đứng tên là cha. Vì vậy xác định anh D là nguyên đơn, chị D1 là bị đơn, anh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Anh Trần Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q đến tham gia phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Qua lời khai báo của các đương sự, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, có thể xác định: Vào năm 2004, anh D và chị D1 có quan hệ tình cảm yêu thương với nhau. Trong thời gian này, anh chị có quan hệ tình dục với nhau và chị D1 đã mang thai con của anh D. Nhưng do tình cảm không còn nên hai bên tự nguyện chấm dứt quan hệ tình cảm trên. Đến năm 2005, chị D1 đã kết hôn với anh Trần Q. Đến ngày 23/8/2005, chị D1 sinh con và đặt tên là Trần Thị Xuân N. Theo Giấy khai sinh đăng ký ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân Phường 7, thị xã BT, tỉnh Bến Tre thể hiện anh Trần Q và chị Nguyễn Thị D1 là cha mẹ của cháu N.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp phiếu kết quả phân tích ADN mã HID-SG163353 ngày 26/4/2016 của Công ty G. Theo đó xác định anh Lê Ngọc D và cháu Trần Thị Xuân N có quan hệ huyết thống là cha – con với xác xuất 99,99%.

Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Ngọc D được bị đơn chị Nguyễn Thị D1 thừa nhận và thủ tục giám định ADN của Công ty G đối với anh Lê Ngọc D và cháu Trần Thị Xuân N là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định cháu Trần Thị Xuân N là con đẻ của anh Lê Ngọc D. Vì vậy Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc D về việc yêu cầu xác định cháu N là con đẻ của anh là đúng quy định pháp luật.

Anh Lê Ngọc D, chị Nguyễn Thị D1 và anh Trần Q có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề thay đổi, cải chính hộ tịch để tiến hành thay đổi hộ tịch cho cháu Trần Thị Xuân N theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xác định con cho cha.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Khoản 2 Điều 88, 89 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc D.

Tuyên bố cháu Trần Thị Xuân N – sinh ngày: 23/8/2005 là con đẻ của anh Lê Ngọc D – sinh năm: 1981.

Anh Lê Ngọc D, chị Nguyễn Thị D1 và anh Trần Q có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề thay đổi, cải chính hộ tịch để tiến hành thay đổi hộ tịch cho cháu Trần Thị Xuân N theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về xác định con cho cha.

Trả lại cho anh Lê Ngọc D số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) anh D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005455 ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Anh D và chị D1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Phú;*
- *Chi cục THA huyện Tân Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*